

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/DS-PT

Ngày: 26 tháng 02 năm 2025

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Trọng Hải

Các Thẩm phán: Bà Lý Thị Lệ Thủy

Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vẹn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 25/2024/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 165/2024/HNGĐ-ST ngày 02/10/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2025/QĐ-PT ngày 04/02/2025 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Ông **Võ Thế H**, sinh năm 1969. (Có mặt)

Địa chỉ: **Số A Cô B, phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.**

+ *Bị đơn:* Bà **Vũ Thị Kim C (Võ Thị Kim C1)**, sinh năm 1970. (Có mặt)

Địa chỉ: **Số A Cô B, phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.**

- Người kháng cáo: Bị đơn bà **Vũ Thị Kim C**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông **Võ Thế H** trình bày:*

Ông **Võ Thế H** và bà **Vũ Thị Kim C (Võ Thị Kim C1)** có thời gian tìm hiểu khoảng 5 năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại **UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi**, theo giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 10/6/1991. Do bản chính giấy chứng nhận kết hôn bà **C1** đang giữ nên ông **H** đã liên hệ với **UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi** xin trích lục giấy chứng nhận kết hôn để cung cấp cho Tòa án làm căn cứ khởi kiện.

Sau khi cưới, vợ chồng ông **H**, bà **C1** chuyển vào Vũng Tàu sinh sống từ năm 1996. Trong suốt thời gian vợ chồng chung sống, ông **H** nhận thấy không có hạnh phúc thật sự có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra bất đồng về tính cách, quan điểm sống khác biệt, áp lực về công việc, kinh tế gia đình dẫn đến hai bên có những hành động và lời nói làm tổn thương lòng tự trọng của nhau. Vì không muốn làm ảnh hưởng đến tương lai của con cái nên ông cố gắng duy trì quan hệ vợ chồng. Tuy nhiên từ năm 2021 đến nay mâu thuẫn thật sự trầm trọng và kéo dài, chủ yếu về vấn đề kinh tế. Tài khoản tiền lương và mọi thu nhập khác ông **H** đều giao cho bà **C1** quản lý sử dụng vào mục đích thiết yếu cho gia đình, thế nhưng bà **C1** không biết tích lũy mà thường chơi game gây thất thoát tiền bạc, bà **C1** còn bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử về tội đánh bạc và xử phạt tiền. Mặt khác ngày 14/9/2024 ông **H** có về nhà nhưng bà **C1** đã thay ổ khóa, cắt camera không cho ông **H** quan sát nhà cửa và không thể vào nhà được nữa.

Nhận thấy, cuộc sống chung không thể kéo dài, ảnh hưởng đến tinh thần của cả hai vợ chồng cũng như ảnh hưởng đến cuộc sống của các con nên ông **H** yêu cầu được ly hôn với bà **Vũ Thị Kim C (Võ Thị Kim C1)**.

Về con chung: Ông bà có 03 người con chung gồm: **Võ Dương Quốc Đ**, sinh ngày 20/4/1992; **Võ Dương Quốc T**, sinh ngày 05/5/1994; **Võ Dương Thành P**, sinh ngày 16/9/2003. Các con đều đã trưởng thành nên ông **Võ Thế H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông **Võ Thế H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình tố và tại phiên tòa bị đơn bà **Vũ Thị Kim C (Võ Thị Kim C1)** trình bày:*

Bà **Vũ Thị Kim C (Võ Thị Kim C1)** và ông **Võ Thế H** đã có thời gian tìm hiểu khoảng 2-3 năm thì tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại **UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi** theo giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 10/6/1991. Trong thời gian chung sống với nhau gần 40 năm vợ chồng bà có 3 con chung, các con nay đã trưởng thành, có 2 cháu nội và sui gia. Vợ chồng bà **C1**, ông **H** vẫn thương yêu nhau. Cuộc sống gia đình là được sự đồng thuận của hai vợ chồng. Kinh tế gia đình chủ yếu là do ông **H** gây dựng, cách đây vài năm gia đình có kinh doanh thất bại nên tâm trạng vợ chồng buồn bã. Quá trình chung sống với nhau do áp lực về kinh tế nên đôi khi vợ chồng xảy ra tranh cãi, lời qua tiếng lại với nhau, tức giận thì nói nặng lời chứ không có ý gì khác.

Gần đây là vào đầu tháng 8/2024 là ngày ông H đi làm về (ông H là công nhân Dầu khí ngoài giàn khoan), lịch về là ngày 5-8 mà 6-8 ông H mới về nhà, bà C1 biết vậy cũng than phiền một chút là xong, vợ chồng vẫn sống với nhau, không tranh cãi không xô xát gì hết. Đến ngày 12/8/2024, ông H nói là đi học an toàn trưa không về, bà C1 có gọi điện nhắn tin cho ông H nhưng ông H không nghe máy, hai hôm sau là bà C1 nhận đơn ly hôn. Bà C1 bất ngờ và bị sốc tinh thần, từ đó ông H đi luôn tới nay không về nhà. Bà C1 không biết lý do gì hết và cũng không chấp nhận ly hôn. Bà C1 chỉ mong ông H thay đổi ý kiến, quay về chung sống với nhau để gia đình đoàn tụ, bà C1 biết mình cũng có lỗi lầm nên xin ông H tha thứ, bà C1 biết lỗi và hứa sẽ sửa đổi để vợ chồng chung sống hòa hợp với nhau. Trước yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Võ Thế H, bà C1 không đồng ý ly hôn, mong Tòa án tạo điều kiện cho ông bà được đoàn tụ, khắc phục khuyết điểm những gì không hài lòng với nhau. Bà vẫn thương yêu ông H nên tha thiết xin ông H rút đơn ly hôn trở về hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn về con chung vợ chồng ông bà có 3 con chung là Võ Dương Quốc Đ, sinh ngày 20/4/1992; Võ Dương Quốc T, sinh ngày 05/5/1994; Võ Dương Thành P, sinh ngày 16/9/2003 đã đủ tuổi trưởng thành nên bà C1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung, bà C1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 165/2024/HNGĐ-ST ngày 02/10/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã quyết định như sau:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thế H đối với bà Vũ Thị Kim C về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Thế H được ly hôn với bà Vũ Thị Kim C.

2. Về con chung: Có 3 con chung là Võ Dương Quốc Đ, sinh ngày 20/4/1992; Võ Dương Quốc T, sinh ngày 05/5/1994; Võ Dương Thịnh P1, sinh ngày 16/9/2003 đã đủ tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Võ Thế H và bà Vũ Thị Kim C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/10/2024 bị đơn bà **Vũ Thị Kim C** có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 165/2024/HNGĐ-ST ngày 02/10/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo hướng bác đơn khởi kiện của ông **Võ Thế H** và hòa giải cho vợ chồng bà **Vũ Thị Kim C** và ông **Võ Thế H** được đoàn tụ.

Quá trình xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa:

Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

**** Nguyên đơn trình bày tại phiên tòa phúc thẩm:***

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, không đồng ý với kháng cáo của bị đơn.

*** Bị đơn trình bày tại phiên tòa phúc thẩm:** Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của mình đề nghị Tòa án giải quyết bác đơn khởi kiện của ông **Võ Thế H** và hòa giải cho vợ chồng bà được đoàn tụ.

- Đại diện **Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu** tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ **Về tuân theo pháp luật tố tụng:** Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa tiến hành công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng. Trong quá trình thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự và những người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ **Về giải quyết vụ án:** Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà **Vũ Thị Kim C** (**Vũ Thị Kim C1**) đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Điều 272 và nộp trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, bà **C1** đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ pháp luật:

Ông **H** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với bà **C1**, do vậy quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp “Ly hôn” là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà **C1** kháng cáo đề nghị Tòa án giải quyết hòa giải cho vợ chồng bà được đoàn tụ, về con chung đã trưởng thành, tài sản chung, nợ chung ông **H**, bà **C1** không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ xem xét lại yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân của ông **H**, bà **C1**.

Ông **Võ Thế H** và bà **Vũ Thị Kim C (Võ Thị Kim C1)** tự nguyện chung sống vào năm 1991 được **UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 10/6/1991. Như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông **H** trình bày sau khi cưới thì vợ chồng không thật sự hạnh phúc vì nhiều mâu thuẫn, bất đồng về tính cách, quan điểm sống khác biệt, áp lực về công việc, kinh tế gia đình dẫn đến hai bên có những hành động và lời nói làm tổn thương lòng tự trọng của nhau. Vì không muốn làm ảnh hưởng đến tương lai của con cái nên ông cố gắng duy trì. Tuy nhiên đến năm 2021 mâu thuẫn thật sự trầm trọng và kéo dài đến nay chủ yếu về kinh tế, tài khoản tiền lương và mọi thu nhập khác ông **H** đều giao cho bà **C1** quản lý sử dụng vào mục đích thiết yếu cho gia đình, thế nhưng bà **C1** không biết tích lũy mà thường chơi game gây thất thoát tiền bạc đã bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử về tội đánh bạc và xử phạt tiền. Mặt khác ngày 14/9/2024 ông **H** có về nhà nhưng bà **C1** đã thay ổ khóa, cắt camera không cho ông **H** quan sát nhà cửa và ông **H** không thể vào nhà được nữa. Theo chứng cứ Tòa án thu thập thì tại Bản án hình sự sơ thẩm số 199/2023/HSST ngày 08/08/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu thì bà **C1** đã bị xử phạt về hành vi đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự với hình thức xử phạt số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Theo giấy xác nhận kết quả thi hành án thì bà **C1** mới hoàn thành nghĩa vụ nộp đủ số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu vào ngày 24/9/2024.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà **C1** trình bày, vợ chồng bà vẫn thương yêu nhau. Bà thừa nhận kinh tế gia đình chủ yếu là do ông **H** gây dựng, cách đây vài năm gia đình có kinh doanh thất bại, do áp lực về kinh tế nên đôi khi vợ chồng xảy ra tranh cãi, lời qua tiếng lại với nhau, tức giận thì nói nặng lời chứ không có ý gì khác. Bà cũng thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng. Đến đầu tháng 8/2024 ông **H** đi làm về trễ nên bà **C1** than phiền, nặng lời sau đó ông **H** nói là đi học rồi đi luôn không trở về và ông **H** làm đơn ly hôn mà bà không biết lý do vì sao. Bà cũng thừa nhận bà cũng có lỗi làm nên xin ông **H** tha thứ, bà **C1** biết lỗi và hứa sẽ sửa đổi để vợ chồng chung sống hòa hợp với nhau

Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã hòa giải động viên ông **H** trở về đoàn tụ nhưng ông **H** cương quyết ly hôn vì vợ chồng còn rất nhiều mâu thuẫn ông **H** không tiện trình bày, cụ thể như việc bà **C1** xúc phạm bằng lời lẽ thiếu văn hóa ông **H** đã có ghi âm lại, việc bà **C1** đã bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử về hành vi chơi game bị xử phạt tiền, trong khi toàn bộ tiền lương và thu nhập khác của ông **H** đều giao cho bà **C1** quản lý nhưng bà **C1** không biết tích lũy, trong khi chỉ có một mình ông **H** đi làm kiếm tiền, tạo áp lực nhiều lên kinh tế gia đình. Ngoài ra vợ chồng chưa ly hôn nhưng bà **C1** đã tự ý cắt camera không cho ông quan sát nhà cửa và thay khóa cửa không cho ông về nhà càng tăng thêm sự tổn thương đối với ông **H**. Về phía bà **C1** thừa

nhận có chơi game còn ông H cũng có chơi game như bà C1 nhưng may mắn ông H không bị bắt nên đây không phải lý do để ông H xin ly hôn.

Như vậy, qua trình bày của các bên cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông H, bà C1 là có thật, phù hợp với những lý do mà ông H trình bày, xét mâu thuẫn của ông H, bà C1 đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài, không có sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau để cùng tiến bộ. Bà C1 được ông H tin yêu trao cho quyền quản lý kinh tế nhưng bà C1 không biết tích lũy để tạo dựng một nền kinh tế vững chắc cho gia đình và cho các con lại sa vào con đường cờ bạc làm ảnh hưởng đến kinh tế, làm cho nhân thân mình xấu dẫn đến sự mất lòng tin và tình yêu của ông H dành cho bà C1. Phía bà C1 mặc dù mong muốn đoàn tụ nhưng tại cấp sơ thẩm cũng như ở cấp phúc thẩm bà C1 cũng không có biện pháp gì để vợ chồng giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm với nhau, để ông H quay về cùng chung sống với bà C1 hay thay đổi ý định ly hôn với bà. Xét thấy quan hệ hôn nhân phải xuất phát từ sự tự nguyện và tình cảm từ cả hai phía, ông H xác định không còn tình cảm với bà C1 nữa và cương quyết ly hôn với bà C1. Vì vậy yêu cầu của ông H xin ly hôn với bà C1 là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Ông H, bà C1 xác nhận có 3 con chung là Võ Dương Quốc Đ, sinh ngày 20/4/1992; Võ Dương Quốc T, sinh ngày 05/5/1994; Võ Dương Thành P, sinh ngày 16/9/2003 đã đủ tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông H, bà C1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà C1 không phải chịu án phí.

[3.2] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án bị kháng cáo nên bà C1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà **Vũ Thị Kim C (Vũ Thị Kim C1)**, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 165/2024/HNGĐ-ST ngày 02/10/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông **Võ Thế H** đối với bà **Vũ Thị Kim C (Vũ Thị Kim C1)** về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông **Võ Thế H** được ly hôn với bà **Vũ Thị Kim C (Vũ Thị Kim C1)**.

2. Về con chung: Có 3 con chung là **Võ Dương Quốc Đ**, sinh ngày 20/4/1992; **Võ Dương Quốc T**, sinh ngày 05/5/1994; **Võ Dương Thành P**, sinh ngày 16/9/2003 đã đủ tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông **Võ Thế H** và bà **Vũ Thị Kim C (Vũ Thị Kim C1)** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm: Ông **Võ Thế H** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000488 ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, **tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**. Như vậy, ông **Võ Thế H** đã nộp xong án phí. Bà **Vũ Thị Kim C (Vũ Thị Kim C1)** không phải chịu án phí.

- Về án phí phúc thẩm: Bà **C1** phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0004435 ngày 14/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Như vậy, bà **Vũ Thị Kim C (Vũ Thị Kim C1)** đã nộp xong án phí.

5. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND Tp. Vũng Tàu,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND Tp. Vũng Tàu;
- UBND xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THA DS Tp. Vũng Tàu;
- Các đương sự.
- Lưu: Tòa Dân sự, Hồ sơ vụ án.

Đào Trọng Hải

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**
Bản án số: 01/2025/DS-PT
Ngày: 26 tháng 02 năm 2025
V/v: Ly hôn.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Trọng Hải

Các Thẩm phán: Bà Lý Thị Lệ Thủy

Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vẹn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 25/2024/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 165/2024/HNGĐ-ST ngày 02/10/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2025/QĐ-PT ngày 04/02/2025 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Ông **Võ Thế H**, sinh năm 1969. (Có mặt)

Địa chỉ: **Số A Cô B, phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.**

+ *Bị đơn:* Bà **Vũ Thị Kim C (Võ Thị Kim C1)**, sinh năm 1970. (Có mặt)

Địa chỉ: **Số A Cô B, phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.**

- Người kháng cáo: Bị đơn bà **Vũ Thị Kim C**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông **Võ Thế H** trình bày:*

Ông **Võ Thế H** và bà **Vũ Thị Kim C (Võ Thị Kim C1)** có thời gian tìm hiểu khoảng 5 năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại **UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi**, theo giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 10/6/1991. Do bản chính giấy chứng nhận kết hôn bà **C1** đang giữ nên ông **H** đã liên hệ với **UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi** xin trích lục giấy chứng nhận kết hôn để cung cấp cho Tòa án làm căn cứ khởi kiện.

Sau khi cưới, vợ chồng ông H, bà C1 chuyển vào Vũng Tàu sinh sống từ năm 1996. Trong suốt thời gian vợ chồng chung sống, ông H nhận thấy không có hạnh phúc thật sự có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra bất đồng về tính cách, quan điểm sống khác biệt, áp lực về công việc, kinh tế gia đình dẫn đến hai bên có những hành động và lời nói làm tổn thương lòng tự trọng của nhau. Vì không muốn làm ảnh hưởng đến tương lai của con cái nên ông cố gắng duy trì quan hệ vợ chồng. Tuy nhiên từ năm 2021 đến nay mâu thuẫn thật sự trầm trọng và kéo dài, chủ yếu về vấn đề kinh tế. Tài khoản tiền lương và mọi thu nhập khác ông H đều giao cho bà C1 quản lý sử dụng vào mục đích thiết yếu cho gia đình, thế nhưng bà C1 không biết tích lũy mà thường chơi game gây thất thoát tiền bạc, bà C1 còn bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử về tội đánh bạc và xử phạt tiền. Mặt khác ngày 14/9/2024 ông H có về nhà nhưng bà C1 đã thay ổ khóa, cắt camera không cho ông H quan sát nhà cửa và không thể vào nhà được nữa.

Nhận thấy, cuộc sống chung không thể kéo dài, ảnh hưởng đến tinh thần của cả hai vợ chồng cũng như ảnh hưởng đến cuộc sống của các con nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà Vũ Thị Kim C (Vũ Thị Kim C1) .

Về con chung: Ông bà có 03 người con chung gồm: Võ Dương Quốc Đ, sinh ngày 20/4/1992; Võ Dương Quốc T, sinh ngày 05/5/1994; Võ Dương Thành P, sinh ngày 16/9/2003. Các con đều đã trưởng thành nên ông Võ Thế H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Võ Thế H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình tố và tại phiên tòa bị đơn bà Vũ Thị Kim C (Vũ Thị Kim C1) trình bày:*

Bà Vũ Thị Kim C (Vũ Thị Kim C1) và ông Võ Thế H đã có thời gian tìm hiểu khoảng 2-3 năm thì tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 10/6/1991. Trong thời gian chung sống với nhau gần 40 năm vợ chồng bà có 3 con chung, các con nay đã trưởng thành, có 2 cháu nội và sui gia. Vợ chồng bà C1, ông H vẫn thương yêu nhau. Cuộc sống gia đình là được sự đồng thuận của hai vợ chồng. Kinh tế gia đình chủ yếu là do ông H gây dựng, cách đây vài năm gia đình có kinh doanh thất bại nên tâm trạng vợ chồng buồn bã. Quá trình chung sống với nhau do áp lực về kinh tế nên đôi khi vợ chồng xảy ra tranh cãi, lời qua tiếng lại với nhau, tức giận thì nói nặng lời chứ không có ý gì khác.

Gần đây là vào đầu tháng 8/2024 là ngày ông H đi làm về (ông H là công nhân Dầu khí ngoài giàn khoan), lịch về là ngày 5-8 mà 6-8 ông H mới về nhà, bà C1 biết vậy cũng than phiền một chút là xong, vợ chồng vẫn sống với nhau, không tranh cãi không xô xát gì hết. Đến ngày 12/8/2024, ông H nói là đi học an toàn trưa không về, bà C1 có gọi điện nhắn tin cho ông H nhưng ông H không nghe máy, hai

hôm sau là bà C1 nhận đơn ly hôn. Bà C1 bất ngờ và bị sốc tinh thần, từ đó ông H đi luôn tới nay không về nhà. Bà C1 không biết lý do gì hết và cũng không chấp nhận ly hôn. Bà C1 chỉ mong ông H thay đổi ý kiến, quay về chung sống với nhau để gia đình đoàn tụ, bà C1 biết mình cũng có lỗi làm nên xin ông H tha thứ, bà C1 biết lỗi và hứa sẽ sửa đổi để vợ chồng chung sống hòa hợp với nhau. Trước yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Võ Thế H, bà C1 không đồng ý ly hôn, mong Tòa án tạo điều kiện cho ông bà được đoàn tụ, khắc phục khuyết điểm những gì không hài lòng với nhau. Bà vẫn thương yêu ông H nên tha thiết xin ông H rút đơn ly hôn trở về hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn về con chung vợ chồng ông bà có 3 con chung là Võ Dương Quốc Đ, sinh ngày 20/4/1992; Võ Dương Quốc T, sinh ngày 05/5/1994; Võ Dương Thành P, sinh ngày 16/9/2003 đã đủ tuổi trưởng thành nên bà C1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung, bà C1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 165/2024/HNGĐ-ST ngày 02/10/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã quyết định như sau:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thế H đối với bà Vũ Thị Kim C về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Thế H được ly hôn với bà Vũ Thị Kim C.
2. Về con chung: Có 3 con chung là Võ Dương Quốc Đ, sinh ngày 20/4/1992; Võ Dương Quốc T, sinh ngày 05/5/1994; Võ Dương Thịnh P1, sinh ngày 16/9/2003 đã đủ tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Võ Thế H và bà Vũ Thị Kim C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/10/2024 bị đơn bà Vũ Thị Kim C có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 165/2024/HNGĐ-ST ngày 02/10/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng

Tàu theo hướng bác đơn khởi kiện của ông **Võ Thế H** và hòa giải cho vợ chồng bà **Vũ Thị Kim C** và ông **Võ Thế H** được đoàn tụ.

Quá trình xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa:

Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

** Nguyên đơn trình bày tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, không đồng ý với kháng cáo của bị đơn.

** Bị đơn trình bày tại phiên tòa phúc thẩm:* Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của mình đề nghị Tòa án giải quyết bác đơn khởi kiện của ông **Võ Thế H** và hòa giải cho vợ chồng bà được đoàn tụ.

- Đại diện **Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu** tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ *Về tuân theo pháp luật tố tụng:* Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa tiến hành công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng. Trong quá trình thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự và những người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà **Vũ Thị Kim C** (**Vũ Thị Kim C1**) đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Điều 272 và nộp trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, bà **C1** đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ pháp luật:

Ông **H** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với bà **C1**, do vậy quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp “Ly hôn” là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà **C1** kháng cáo đề nghị Tòa án giải quyết hòa giải cho vợ chồng bà được đoàn tụ, về con chung đã trưởng thành, tài sản chung, nợ chung ông **H**, bà **C1** không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ xem xét lại yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân của ông **H**, bà **C1**.

Ông **Võ Thế H** và bà **Vũ Thị Kim C (Võ Thị Kim C1)** tự nguyện chung sống vào năm 1991 được **UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 10/6/1991. Như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông **H** trình bày sau khi cưới thì vợ chồng không thật sự hạnh phúc vì nhiều mâu thuẫn, bất đồng về tính cách, quan điểm sống khác biệt, áp lực về công việc, kinh tế gia đình dẫn đến hai bên có những hành động và lời nói làm tổn thương lòng tự trọng của nhau. Vì không muốn làm ảnh hưởng đến tương lai của con cái nên ông cố gắng duy trì. Tuy nhiên đến năm 2021 mâu thuẫn thật sự trầm trọng và kéo dài đến nay chủ yếu về kinh tế, tài khoản tiền lương và mọi thu nhập khác ông **H** đều giao cho bà **C1** quản lý sử dụng vào mục đích thiết yếu cho gia đình, thế nhưng bà **C1** không biết tích lũy mà thường chơi game gây thất thoát tiền bạc đã bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử về tội đánh bạc và xử phạt tiền. Mặt khác ngày 14/9/2024 ông **H** có về nhà nhưng bà **C1** đã thay ổ khóa, cắt camera không cho ông **H** quan sát nhà cửa và ông **H** không thể vào nhà được nữa. Theo chứng cứ Tòa án thu thập thì tại Bản án hình sự sơ thẩm số 199/2023/HSST ngày 08/08/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu thì bà **C1** đã bị xử phạt về hành vi đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự với hình thức xử phạt số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Theo giấy xác nhận kết quả thi hành án thì bà **C1** mới hoàn thành nghĩa vụ nộp đủ số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu vào ngày 24/9/2024.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà **C1** trình bày, vợ chồng bà vẫn thương yêu nhau. Bà thừa nhận kinh tế gia đình chủ yếu là do ông **H** gây dựng, cách đây vài năm gia đình có kinh doanh thất bại, do áp lực về kinh tế nên đôi khi vợ chồng xảy ra tranh cãi, lời qua tiếng lại với nhau, tức giận thì nói nặng lời chứ không có ý gì khác. Bà cũng thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng. Đến đầu tháng 8/2024 ông **H** đi làm về trễ nên bà **C1** than phiền, nặng lời sau đó ông **H** nói là đi học rồi đi luôn không trở về và ông **H** làm đơn ly hôn mà bà không biết lý do vì sao. Bà cũng thừa nhận bà cũng có lỗi lầm nên xin ông **H** tha thứ, bà **C1** biết lỗi và hứa sẽ sửa đổi để vợ chồng chung sống hòa hợp với nhau

Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã hòa giải động viên ông **H** trở về đoàn tụ nhưng ông **H** cương quyết ly hôn vì vợ chồng còn rất nhiều mâu thuẫn ông **H** không tiện trình

bày, cụ thể như việc bà C1 xúc phạm bằng lời lẽ thiếu văn hóa ông H đã có ghi âm lại, việc bà C1 đã bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử về hành vi chơi game bị xử phạt tiền, trong khi toàn bộ tiền lương và thu nhập khác của ông H đều giao cho bà C1 quản lý nhưng bà C1 không biết tích lũy, trong khi chỉ có một mình ông H đi làm kiếm tiền, tạo áp lực nhiều lên kinh tế gia đình. Ngoài ra vợ chồng chưa ly hôn nhưng bà C1 đã tự ý cắt camera không cho ông quan sát nhà cửa và thay khóa cửa không cho ông về nhà càng tăng thêm sự tổn thương đối với ông H. Về phía bà C1 thừa nhận có chơi game còn ông H cũng có chơi game như bà C1 nhưng may mắn ông H không bị bắt nên đây không phải lý do để ông H xin ly hôn.

Như vậy, qua trình bày của các bên cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông H, bà C1 là có thật, phù hợp với những lý do mà ông H trình bày, xét mâu thuẫn của ông H, bà C1 đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài, không có sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau để cùng tiến bộ. Bà C1 được ông H tin yêu trao cho quyền quản lý kinh tế nhưng bà C1 không biết tích lũy để tạo dựng một nền kinh tế vững chắc cho gia đình và cho các con lại sa vào con đường cờ bạc làm ảnh hưởng đến kinh tế, làm cho nhân thân mình xấu dẫn đến sự mất lòng tin và tình yêu của ông H dành cho bà C1. Phía bà C1 mặc dù mong muốn đoàn tụ nhưng tại cấp sơ thẩm cũng như ở cấp phúc thẩm bà C1 cũng không có biện pháp gì để vợ chồng giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm với nhau, để ông H quay về cùng chung sống với bà C1 hay thay đổi ý định ly hôn với bà. Xét thấy quan hệ hôn nhân phải xuất phát từ sự tự nguyện và tình cảm từ cả hai phía, ông H xác định không còn tình cảm với bà C1 nữa và cương quyết ly hôn với bà C1. Vì vậy yêu cầu của ông H xin ly hôn với bà C1 là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Ông H, bà C1 xác nhận có 3 con chung là Võ Dương Quốc Đ, sinh ngày 20/4/1992; Võ Dương Quốc T, sinh ngày 05/5/1994; Võ Dương Thành P, sinh ngày 16/9/2003 đã đủ tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông H, bà C1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà C1 không phải chịu án phí.

[3.2] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án bị kháng cáo nên bà C1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà **Vũ Thị Kim C (Vũ Thị Kim C1)**, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 165/2024/HNGĐ-ST ngày 02/10/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông **Võ Thế H** đối với bà **Vũ Thị Kim C (Vũ Thị Kim C1)** về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông **Võ Thế H** được ly hôn với bà **Vũ Thị Kim C (Vũ Thị Kim C1)**.

2. Về con chung: Có 3 con chung là **Võ Dương Quốc Đ**, sinh ngày 20/4/1992; **Võ Dương Quốc T**, sinh ngày 05/5/1994; **Võ Dương Thành P**, sinh ngày 16/9/2003 đã đủ tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông **Võ Thế H** và bà **Vũ Thị Kim C (Vũ Thị Kim C1)** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm: Ông **Võ Thế H** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000488 ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, **tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**. Như vậy, ông **Võ Thế H** đã nộp xong án phí. Bà **Vũ Thị Kim C (Vũ Thị Kim C1)** không phải chịu án phí.

- Về án phí phúc thẩm: Bà **C1** phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0004435 ngày 14/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Như vậy, bà **Vũ Thị Kim C (Vũ Thị Kim C1)** đã nộp xong án phí.

5. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND Tp. Vũng Tàu,
- TAND Tp. Vũng Tàu;
- UBND xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THA DS Tp. Vũng Tàu;
- Các đương sự.
- Lưu: Tòa Dân sự, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Trọng Hải